

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

Bản án số: 80/2026/DS-ST

Ngày: 21-5-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và đòi lại tài sản (tiền
nợ hui)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân

Ông Trần Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản (tiền nợ hui)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Ngọc T, sinh ngày 10/11/1975 (vắng mặt).

CCCD số: 094175014827.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực X, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: 1. Ông Đào Văn H, sinh ngày 05/5/1973 (vắng mặt).

CCCD số: 094073009897.

2. Bà Nguyễn Thị U, sinh ngày 01/01/1977 (có mặt).

CCCD số: 094177003364.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2025 của nguyên đơn bà Lâm Ngọc T và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Nguyên vào ngày 16/11/2023 âm lịch (nhằm ngày 28/12/2023 dương lịch) bà Lâm Ngọc T có cho vợ chồng ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị U vay số tiền là 85.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng, mục đích vay tiền để sử dụng chung trong gia đình. Việc cho vay tiền không có làm biên nhận do là người quen ở xóm. Kể từ khi vay cho đến nay vợ chồng ông H, bà U vẫn không đóng lãi cho bà T như thỏa thuận, cũng không trả số tiền gốc đã vay cho bà T dù bà T đã yêu cầu trả nhiều lần. Trước đó, thì vợ chồng ông H và bà U cũng còn nợ bà T số tiền hụi là 24.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng ông H và bà U còn nợ bà T là 109.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc vợ chồng ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc còn lại là 109.000.000 đồng.

2/ Buộc vợ chồng ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T tiền lãi suất đối với số tiền vay 85.000.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính ngày 29/12/2023 dương lịch cho đến ngày 24/12/2025 làm tròn là 23 tháng 25 ngày là $85.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 23 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 33.628.000 \text{ đồng}$.

Vậy tổng số tiền nợ cả gốc lẫn lãi vợ chồng ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà T là: 85.000.000 đồng (tiền vay) + 24.000.000 đồng (tiền hụi) + 33.628.000 đồng (lãi) = 142.628.000 đồng.

Ngoài ra bà yêu cầu vợ chồng ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị U phải có nghĩa vụ trả lãi cho bà T với mức lãi suất là 1,66%/tháng trên số tiền gốc là 85.000.000 đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/5/2026 của bị đơn ông Đào Văn H, bà Nguyễn Thị U và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:*

Bà Lâm Ngọc T có bà con với ông Đào Văn H, vợ chồng ông, bà thống nhất một phần nội dung khởi kiện của bà Lâm Ngọc T là đúng. Trước đây vợ chồng có nhiều lần vay tiền bà T với lãi suất 7%/tháng, có lần vay mười triệu đồng, hai mươi triệu đồng..., đã đóng lãi quá nhiều cho đến nay không còn khả năng trả lãi, khi đóng lãi thì cũng không có làm biên nhận. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2023 dương lịch thì hai bên mới thống nhất chốt nợ và vợ chồng ông, bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng, không phải 85.000.000 đồng như bà T trình bày. Ngoài ra, cũng trong ngày 28/12/2023 dương lịch thì vợ chồng cũng chốt tiền hụi với bà T, vợ chồng còn nợ hụi bà T 21.000.000 đồng cộng thêm 3.000.000 đồng ông H nợ, tổng cộng xem như nợ Hụi là 24.000.000 đồng. Nay do điều kiện hoàn cảnh khó khăn, không còn như trước, nên ông, bà đồng ý tự nguyện trả cho bà T số tiền còn nợ vốn vay 50.000.000 đồng và tiền hụi 24.000.000 đồng, xin trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ. Đối với yêu cầu tính lãi của bà T thì xin bỏ lãi, do trước đây đã đóng lãi quá nhiều. Đối với việc đóng lãi cho bà T thì không yêu cầu Tòa án cản trở lại do thời điểm đóng cũng không có biên nhận.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Nguyễn Thị U và ông Đào Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ vốn 50.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 29/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 1,66%/tháng và buộc bị đơn bà Nguyễn Thị U và ông Đào Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hui còn nợ 24.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 29/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự, giao dịch dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Tại phiên tòa bị đơn ông Đào Văn H vắng mặt không lý do. Phiên tòa được mở lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn ông Đào Văn H.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị U, ông Đào Văn H trả số tiền vay còn nợ 85.000.000 đồng và tiền hui còn nợ 24.000.000 đồng và đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 29/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/5/2026 (02 năm 04 tháng 21 ngày) với mức lãi suất 1,66%/tháng đối với cả hai khoản nợ vay và nợ hui, số tiền lãi là 40.495.000 đồng, tổng vốn và lãi là 149.495.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 20/5/2026 bị đơn ông H và bà U thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà T tiền vốn vay 50.000.000 đồng và nợ tiền hui 24.000.000 đồng, đồng ý trả cho nguyên đơn, nhưng riêng yêu cầu tính lãi thì không đồng ý, tại phiên tòa bà U thay đổi lời trình bày, đồng ý trả lãi đối với nợ tiền vay, nhưng riêng lãi tiền hui thì không đồng ý.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xuất trình một đoạn ghi âm, thể hiện cuộc hội thoại trao đổi giữa bốn người gồm bà T, bà H1 (em bà T) và vợ chồng ông H, bà U. Tại phiên tòa, Tòa án đã bật đoạn ghi âm mà nguyên đơn cung cấp cho bị đơn bà U nghe và bà U thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của vợ chồng bà, phù hợp với nội dung tường trình mà đại diện nguyên đơn đã nộp về việc dịch lại nội dung ghi âm. Ngoài đoạn ghi âm này thì nguyên đơn không còn tài liệu, chứng cứ nào khác. Nội dung trao đổi trong đoạn ghi âm bà T liên tục nhắc về số tiền 85.000.000 đồng nhưng không nói rõ đây là vốn vay hay bao gồm vốn và lãi, trong khi bị đơn bà U chỉ thừa nhận vốn vay 50.000.000 đồng, còn phần 35.000.000 đồng nguyên đơn cộng lãi vào. Toàn bộ cuộc ghi âm không thể hiện phần nội dung nào bị đơn ông H, bà U thống nhất chốt nợ vay nguyên đơn là số tiền 85.000.000 đồng. Mặt khác, tại phiên tòa đại

diện nguyên đơn cho rằng khi cho bị đơn vay thì vay nhiều lần, không phải vay một lần với số tiền nêu trên và mỗi lần vay đều không có biên nhận. Do nguyên đơn không chứng minh được số tiền bị đơn nợ vốn vay là 85.000.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử căn cứ theo lời thừa nhận của bị đơn, xác định bị đơn ông H và bà U còn nợ nguyên đơn tiền vốn vay 50.000.000 đồng và tiền nợ hui 24.000.000 đồng và buộc bị đơn ông H, bà U cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn là phù hợp các quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn, yêu cầu tính lãi đối với nợ vay và nợ hui tính lãi từ ngày 29/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/5/2026 mức lãi suất 1,66%/tháng, bị đơn bà U đồng ý trả lãi nợ vay. Riêng đối với nợ hui bị đơn không đồng ý. Xét thấy, việc các bên cho vay có thỏa thuận lãi suất, do hiện nay bị đơn chưa thanh toán nợ, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 29/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất được tính như sau: 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 02 năm 04 tháng 21 ngày (từ ngày 29/12/2023 đến ngày 21/5/2026) = 23.821.000 đồng. Về lãi tiền hui, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 và điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lãi được tính như sau: 24.000.000 đồng x 0,83%/tháng 02 năm 04 tháng 21 ngày (từ ngày 29/12/2023 đến ngày 21/5/2026) = 5.717.040 đồng. Như vậy, buộc bị đơn ông H, bà U có nghĩa vụ liên đới trả lãi cho nguyên đơn bà T tổng số tiền 29.538.040 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H, bà U có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà T số tiền vay còn nợ vốn 50.000.000 đồng, tiền hui còn nợ 24.000.000 đồng và lãi 29.538.040 đồng, tổng vốn và lãi là 103.538.040 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền chênh lệch 45.956.960 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định pháp luật 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, được trừ vào tiền tạm ứng phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 và Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường; khoản

4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Ngọc T. Buộc bị đơn ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lâm Ngọc T số tiền còn nợ vốn vay 50.000.000 đồng, tiền hụi còn nợ 24.000.000 đồng và lãi 29.538.040 đồng, tổng vốn và lãi là 103.538.040 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Ngọc T với số tiền chênh lệch 45.956.960 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền 5.176.902 đồng. Buộc nguyên đơn bà Lâm Ngọc T phải chịu án phí số tiền 2.297.848 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 3.656.000 đồng theo biên lai thu số 0000003 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Hoàn trả bà T số tiền 1.358.152 đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7-Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp